TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 02 – 8 – 2019
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng dân sự mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Văn Liệt

2. Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Minh H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh An Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Lệ T, sinh năm 1968.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 7, xã 8, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Bùi Minh H trình bày:

Vào ngày 04/01/2019, bà Trương Thị Lệ T có vay của ông Bùi Minh H số tiền gốc là 600.000.000 đồng, để mua 01 chiếc sà lan, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả: khi nào bà T bán sà lan sẽ trả gốc và lãi. Ông H và bà T có làm hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019. Bà T đã bán sà lan vào

tháng 01/2019, nhưng không trả gốc và lãi theo thỏa thuận nên trên.

Ngoài ra, bà T có mua dầu DO của ông H nhiều lần (ông H không nhớ rõ mua thời gian nào, mỗi lần mua số lượng bao nhiêu, mua bao nhiêu lần), đến tháng 02 năm 2019 bà T còn nợ ông H với số tiền là 61.130.000 đồng.

Từ tháng 02 năm 2019 đến nay, ông H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền vay và số tiền mua dầu DO còn nợ nêu trên, nhưng bà T không trả.

Nay ông Bùi Minh H yêu cầu bà Trương Thị Lệ T trả cho ông H số tiền vay còn nợ gốc là 600.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ ngày 04/01/2019 đến ngày Tòa án ra bản án (quyết định) với mức lãi suất 1,65%/tháng. Đối với số tiền mua dầu DO bà T còn nợ là 61.130.000 đồng, ông H yêu cầu bà T trả cho ông số tiền mua dầu còn nợ gốc là 61.130.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- *Bị đơn bà Trương Thị Lệ T trình bày:*

Vào ngày 04/01/2019, bà Trương Thị Lệ T có vay của ông Bùi Minh H số tiền gốc là 600.000.000 đồng, để mua 01 chiếc sà lan, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Ông H và bà T có làm hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019. Bà T có thống nhất và ký tên vào hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019. Từ khi vay đến nay, bà T chưa trả cho ông H được khoản gốc, lãi nào.

Ngoài ra, bà T có mua dầu DO của ông H nhiều lần (bà T không nhớ rõ mua thời gian nào, mỗi lần mua số lượng bao nhiêu, mua bao nhiêu lần), đến tháng 02/2019, thì bà T thống nhất còn nợ ông H với số tiền là 61.130.000 đồng, đến nay chưa trả.

Từ tháng 02 năm 2019, ông H có yêu cầu bà T trả số tiền nợ nêu trên nhiều lần, nhưng bà T gặp khó khăn không có khả năng trả nợ cho ông H.

Nay bà Trương Thị Lệ T thống nhất trả cho ông Bùi Minh H số tiền vay còn nợ gốc là 600.000.000 đồng và không thống nhất trả lãi cho ông H, do bà T gặp khó khăn về kinh tế. Bà T thống nhất trả cho ông H số tiền mua dầu DO còn nợ gốc là 61.130.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 06/6/2019 của ông Bùi Minh H (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Bùi Minh H (bản sao chứng thực).

- Hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019 giữa bên A ông Bùi Minh H và bên B, bên vay bà Trương Thị Lệ T (bản gốc).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà Trương Thị Lệ T (bản photo có đối chiếu bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng dân sự mua bán tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trương Thị Lệ T cư trú tại ấp 7, xã 8, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Bùi Minh H yêu cầu bà Trương Thị Lệ T trả cho ông H số tiền vay còn nợ là 600.000.000 đồng.

Xét thấy, bà T thừa nhận có ký tên vào hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019. Bà T cũng thừa nhận nội dung trong hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019 là đúng. Theo đó, bà T có vay của ông H số tiền gốc là 600.000.000 đồng, để mua 01 chiếc sà lan, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà T xác định khi ký tên vào hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019 để vay tổng số tiền là 600.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Khi thỏa thuận và thực hiện giao dịch vay tiền thì ông H và bà T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa ông H và bà T là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Tuy nhiên, ông H và bà T chưa thống nhất với nhau về thời hạn trả nợ vay. Ông H cho rằng: Ông H và bà T thỏa thuận thời hạn bà T trả số tiền vay 600.000.000 đồng cho ông H là kể từ ngày bà T bán được chiếc sà làn; bà T bán sà lan vào tháng 01 năm 2019, nhưng đến nay bà T vẫn không trả tiền theo thỏa thuận. Bà T cho rằng: Bà T và ông H không thỏa thuận thời hạn trả số tiền vay nêu trên. Hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 04/01/2019 được ký kết giữa ông H và bà T không thể hiện thời hạn trả nợ vay. Vì vậy, hợp đồng vay giữa ông H và bà T là hợp đồng vay không kỳ hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đều thống nhất từ tháng 02 năm 2019 đến nay, ông H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền vay nêu trên, nhưng bà T không thực hiện. Cho nên, có căn cứ xác định ông H trước khi thực hiện quyền đòi lại tài sản vay, ông H đã báo trước cho bà T một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản vay. Tại phiên tòa hôm nay, bà T cũng xác định là còn nợ ông H số tiền vay là 600.000.000 đồng và chưa trả cho ông H bất kỳ khoản tiền gốc, lãi nào của khoản vay, vì vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền

vay của ông H.

Từ những phân tích trên, ông Bùi Minh H yêu cầu bà Trương Thị Lệ T trả cho ông H số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Bùi Minh H yêu cầu bà Trương Thị Lệ T trả cho ông H số tiền lãi từ ngày 04/01/2019 đến ngày Tòa án ra bản án (quyết định) với mức 1,65%/tháng đối với số tiền vay 600.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H và bà T đều thống nhất lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Lãi suất hai bên thỏa thuận nêu trên là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Mặt khác, ông H yêu cầu bà T trả lãi theo mức lãi suất 1,65%/tháng là phù hợp theo quy định của Bộ luật dân sự, nên yêu cầu của ông H yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền lãi từ ngày 04/01/2019 đến ngày Tòa án ra bản án (quyết định) với mức 1,65%/tháng đối với số tiền vay 600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi từ ngày 04/01/2019 đến ngày 02/8/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 06 tháng lẻ 29 ngày được tính như sau: 600.000.000 đồng x 1,65%/tháng x 06 tháng lẻ 29 ngày = 68.970.000 đồng.

[2.3] Xét ý kiến của bà Trương Thị Lệ T là không đồng ý trả lãi cho ông H đối với số tiền vay còn nợ là 600.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T thừa nhận từ khi vay đến nay, chưa trả cho ông H được khoản gốc, lãi nào. Tại khoản 5 Điều 466 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác."

Việc bà T không đồng ý trả lãi vay cho ông H là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Bùi Minh H yêu cầu bà Trương Thị Lệ T trả cho ông H số tiền mua dầu DO còn nợ là 61.130.000 đồng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H và bà T đều thống nhất nội dung như sau: Bà T có mua dầu DO của ông H nhiều lần, không nhớ rõ mua thời gian nào, mỗi lần mua số lượng bao nhiêu, mua bao nhiêu lần, đến tháng 02/2019, thì bà T và ông H thống nhất bà T còn nợ ông H với số tiền là 61.130.000 đồng. Việc thỏa thuận mua bán giữa ông H và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Khi thỏa thuận và thực hiện giao dịch mua bán tài sản thì ông H và bà T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Như vậy, việc giao kết hợp đồng mua bán giữa ông H và bà T là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Từ tháng 02 năm 2019 đến

nay, bà T chưa trả số tiền trên. Việc ông H và bà T giao dịch mua bán với nhau không có thỏa thuận lãi.

Ông H yêu cầu bà T trả số tiền mua dầu DO còn nợ là 61.130.000 đồng. Bà T thống nhất trả cho ông H số tiền mua dầu DO còn nợ là 61.130.000 đồng. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với bà T nêu trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh H nên bà Trương Thị Lệ T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh H.

1. Buộc bà Trương Thị Lệ T trả cho ông Bùi Minh H số tiền vay gốc, lãi là 668.970.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Trương Thị Lệ T trả cho ông Bùi Minh H số tiền mua dầu DO là 61.130.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Trương Thị Lệ T phải chịu số tiền 33.204.000 đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho ông Bùi Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.212.600 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm mười hai nghìn, sáu trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BH/2018/0003785 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Bạch Phiến